

THACO



Mazda BT-50

ĐA NĂNG & MẠNH MẼ







■ **Động cơ Diesel dung tích 3.2L**

Động cơ mạnh mẽ nhất phân khúc bán tải, sản sinh công suất tối đa 197Hp/3000rpm, momen xoắn tối đa đạt 470Nm/1750-2500rpm. Động cơ thiết kế theo dạng 5 xi lanh thẳng hàng, ứng dụng công nghệ turbo tăng áp, cùng hệ thống làm mát khí nạp, đem đến hiệu năng vận hành tuyệt vời.

■ **Động cơ Diesel dung tích 2.2L**

Được trang bị trên hai phiên bản 2.2MT và 2.2AT. Động cơ 4 xi lanh thẳng hàng, sử dụng turbo tăng áp cùng hệ thống làm mát khí nạp, sản sinh công suất 148Hp/3700rpm và momen xoắn 375Nm/1500-2500rpm, tối ưu khả năng tiết kiệm nhiên liệu.



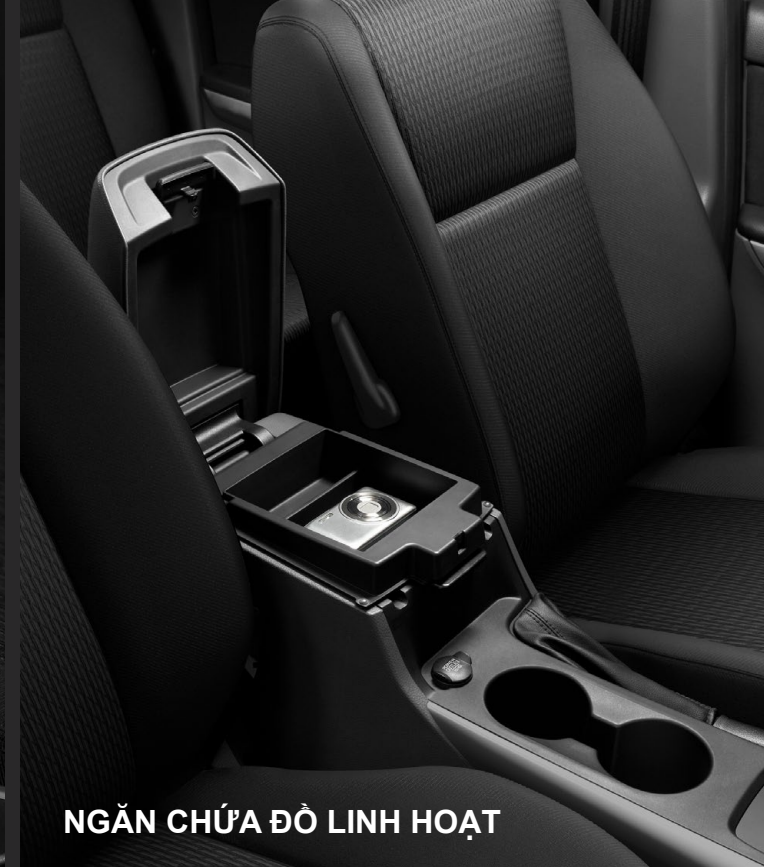
Mazda BT-50 mới mang phong cách thiết kế KODO đầy ấn tượng, không những đem đến cái nhìn mạnh mẽ đặc trưng của dòng xe bán tải mà còn thể hiện được phong cách, cá tính riêng của chủ sở hữu.

1. Hệ thống đèn pha tự động Bật - Tắt
2. Đèn sương mù tiêu chuẩn
3. Đèn phanh LED trên cao
4. Gương hậu, tay nắm cửa mạ chrome
5. Bộ bước chân chắc chắn
6. Cụm đèn hậu nối liền nắp thùng





HỘP SỐ TỰ ĐỘNG 6 CẤP



NGĂN CHỨA ĐỒ LINH HOẠT



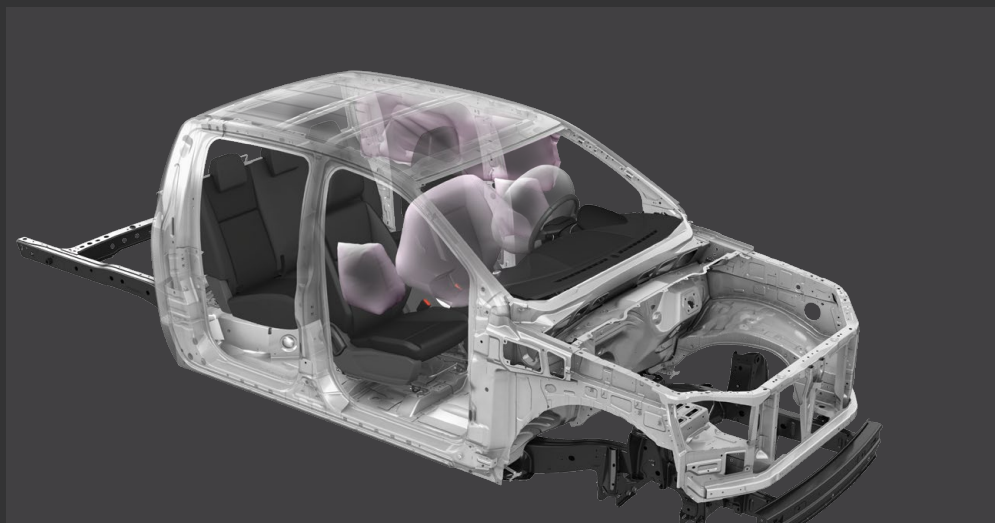
HỆ THỐNG GÀI CẦU ĐIỆN TỬ



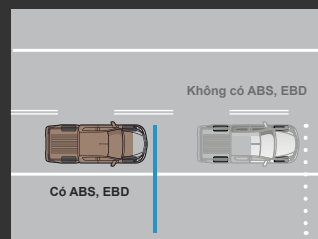
HỆ THỐNG GA TỰ ĐỘNG



HỘP SỐ SÀN 6 CẤP



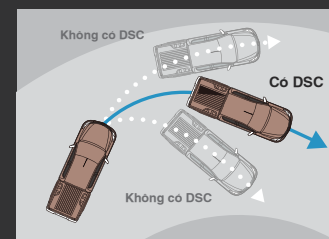
TRANG BỊ 6 TÚI KHÍ
2 túi khí trước, 2 túi khí bên hông, 2 túi khí rèm



Hệ thống hỗ trợ phanh ABS, EBD



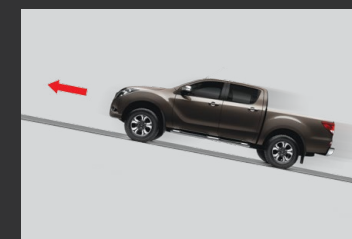
Gương chiếu hậu tích hợp camera lùi



Hệ thống cân bằng điện tử DSC



Camera lùi



Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA



Ôp cản sau tích hợp cảm biến



Bên cạnh khả năng vận hành mạnh mẽ, Mazda BT-50 còn đem đến sự thoải mái cho người sử dụng với không gian rộng rãi đi cùng những trang bị tiện nghi.

Chức năng ghế lái chỉnh điện giúp người lái nhanh chóng tìm được vị trí ngồi lý tưởng, đảm bảo tư thế thoải mái khi lái xe.

Hệ thống điều hòa tự động, tùy chỉnh nhiệt độ 2 vùng độc lập, mang đến sự thoải mái cho tất cả các hành khách.

Các ngăn chứa đồ rộng rãi, được bố trí hợp lý từ khoang người lái, hành khách cho đến vị trí hàng ghế sau, đem đến sự tiện dụng tối đa cho người dùng.

Hệ thống giải trí DVD, nghe đài radio, kết nối bluetooth... Trang bị màn hình cảm ứng, tích hợp chức năng định vị GPS, mang đến sự an tâm cho mỗi chuyến đi xa.



BẠN ĐỒNG HÀNH LÝ TƯỞNG

Không chỉ sở hữu động cơ mạnh mẽ đầy uy lực, Mazda BT-50 còn trở thành người bạn đường tin cậy của nhiều gia đình trong nhu cầu sử dụng hằng ngày nhờ sự tiện nghi và an toàn vượt trội.

CHINH PHỤC MỌI ĐỊA HÌNH

Với khả năng tăng tốc êm ái và mạnh mẽ, Mazda BT-50 vừa thể hiện sự linh hoạt trong giao thông nội thành nhưng vẫn đủ sức mạnh để chinh phục những cung đường khó khăn nhất.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT SPECIFICATIONS		Mazda BT-50		Standard 4x4	Deluxe 4x2	Luxury 4x2	Premium 4x4
KÍCH THƯỚC - TRỌNG LƯỢNG / DIMENSIONS-WEIGHT							
Kích thước tổng thể (DxRxC) / Overall dimensions				5365 x 1850 x 1815 mm	5365 x 1850 x 1821 mm	5365 x 1850 x 1821 mm	5365 x 1850 x 1821 mm
Chiều dài cơ sở / Wheel base				3220 mm	3220 mm	3220 mm	3220 mm
Khoảng sáng gầm xe / Minimum ground clearance				232	237	237	237
Bán kính quay vòng / Minimum turning circle radius				6200 mm	6200 mm	6200 mm	6200 mm
Khả năng lội nước / Water wading depth				800 mm	800 mm	800 mm	800 mm
Trọng lượng / Weight		Không tải / Curb		2027 kg	1974 kg	1974 kg	2124 kg
		Toàn tải / Gross		3200 kg	3200 kg	3200 kg	3200 kg
Dung tích thùng nhiên liệu / Fuel tank capacity				80 L	80 L	80 L	80 L
Kích thước thùng xe (DxRxC) / Cargo box dimensions				1490 x 1560 x 513 mm	1490 x 1560 x 513 mm	1490 x 1560 x 513 mm	1490 x 1560 x 513 mm
Số chỗ ngồi / Seat capacity				5	5	5	5
ĐỘNG CƠ-HỘP SỐ / ENGINE-TRANSMISSION							
Động cơ / Engine	Loại / Type			Diesel tăng áp, 4 xi lanh / Turbo Diesel, 4 cylinders in-line	Diesel tăng áp, 4 xi lanh / Turbo Diesel, 4 cylinders in-line	Diesel tăng áp, 4 xi lanh / Turbo Diesel, 4 cylinders in-line	Diesel tăng áp, 5 xi lanh / Turbo Diesel, 5 cylinders in-line
	Dung tích / Displacement			2198 cc	2198 cc	2198 cc	3198 cc
	Số xupap / No. of valves			16	16	16	20
	Cơ chế trục cam / Camshaft mechanism			Trục cam kép / DOHC	Trục cam kép / DOHC	Trục cam kép / DOHC	Trục cam kép / DOHC
	Công suất tối đa / Max. power			148Hp / 3700rpm	148Hp / 3700rpm	148Hp / 3700rpm	197Hp / 3000rpm
	Mô men xoắn tối đa / Max. torque			375Nm / 1500-2500rpm	375Nm / 1500-2500rpm	375Nm / 1500-2500rpm	470Nm / 1750-2500rpm
Hộp số / Transmission				Số sàn 6 cấp / 6-speed manual	Tự động 6 cấp / 6-speed automatic	Tự động 6 cấp / 6-speed automatic	Tự động 6 cấp / 6-speed automatic
Dẫn động / Wheel drive				2 cầu / 4WD	1 cầu / 2WD	1 cầu / 2WD	2 cầu / 4WD
Gài cầu điện tử / Electronic shift on fly				•	–	–	•
KHUNG GÀM / CHASSIS							
Hệ thống treo / Suspension system		Trước / Front		Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng / Double wishbone with torsion bar			
		Sau / Rear		Nhíp lá / Leaf spring			
Hệ thống phanh / Brake system		Trước / Front		Đĩa / Disc			
		Sau / Rear		Tang trống / Drum			
Trợ lực tay lái / Power Steering				Trợ lực thủy lực / Hydraulic power assisted steering			
Mâm xe / Wheel				Mâm đúc hợp kim nhôm / Alloy wheel			
Kích thước lốp xe / Tires				255/70R16	265/65R17	265/65R17	265/65R17
NGOẠI THẤT / EXTERIOR							
Đèn pha Halogen / Halogen head lamps				•	•	•	•
Chức năng Bật-Tắt đèn pha tự động / Automatic Head lamps				–	•	•	•
Cảm biến gạt mưa tự động / Auto rain-sensing front wiper				–	•	•	•
Đèn sương mù phía trước / Front fog lamps				•	•	•	•
Đèn sương mù sau / Rear fog lamps				•	•	•	•
Đèn chạy ban ngày / Daytime running lamp				•	•	•	•
Tay nắm cửa mạ Chrome / Chrome door handles				•	•	•	•
Gương chiếu hậu mạ Chrome / Chrome door mirrors				•	•	•	•

Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện, tích hợp đèn báo rẽ / <i>Outer mirror electric adjustment, power folding and side turn lamp</i>	•	•	•	•
Bộ bước chân / <i>Side steps</i>	•	•	•	•
Tấm lót thùng hàng / <i>Bedliner</i>	•	•	•	•
Đèn phanh lắp trên cao / <i>High mount stop lights</i>	•	•	•	•
NỘI THẤT / INTERIOR				
Tay lái bọc da tích hợp điều khiển âm thanh / <i>Leather Steering wheel mounted audio control</i>	–	•	•	•
Hệ thống giải trí CD, Mp3, Radio, 6 loa / <i>CD, MP3, Radio, 6 speakers</i>	4 loa / <i>4 speakers</i>	•	•	•
Đầu đĩa DVD, màn hình cảm ứng 7" / <i>DVD, 7" touchscreen</i>	–	–	•	•
Kết nối AUX,USB, Ipod / <i>AUX, USB, Ipod connections</i>	•	•	•	•
Hệ thống đàm thoại rảnh tay Bluetooth / <i>Bluetooth hands-free system</i>	–	•	•	•
Nội thất ghế bọc da / <i>Leather seats</i>	–	•	•	•
Tựa tay trung tâm bọc da / <i>Leather Console Lid Armrest Cover</i>	–	•	•	•
Tấm ốp cửa bọc da / <i>Door trim leather</i>	–	•	•	•
Gương chiếu hậu trong chống chói tự động / <i>Auto dimming rearview mirror</i>	–	•	•	•
Điều hòa tự động 2 vùng độc lập / <i>Full automatic dual zone air conditioner</i>	–	•	•	•
Ghế lái chỉnh điện / <i>Power driver-side seat</i>	–	–	•	•
Kính chỉnh điện / <i>Power windows</i>	•	•	•	•
Tựa tay hàng ghế sau và ngăn để ly / <i>Rear center armrest with cup holder</i>	•	•	•	•
Hàng ghế sau gập được với 2 tựa đầu / <i>Folding bench with two headrests</i>	•	•	•	•
AN TOÀN / SAFETY				
Hệ thống chống bó cứng phanh ABS / <i>Anti-lock Brake System</i>	•	•	•	•
Hệ thống phân bổ lực phanh EBD / <i>Electronic Brake-force Distribution</i>	•	•	•	•
Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp EBA / <i>Emergency Brake Assist</i>	–	•	•	•
Hệ thống cân bằng điện tử DSC / <i>Dynamic stability control</i>	–	•	•	•
Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TSC / <i>Traction Control System</i>	–	•	•	•
Hệ thống kiểm soát chống lật RSC / <i>Roll Stability Control</i>	–	•	•	•
Cảnh báo phanh khẩn cấp ESS / <i>Emergency Stop Signal</i>	•	•	•	•
Hệ thống kiểm soát tải trọng LAC / <i>Load Adaptive Control</i>	–	•	•	•
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA / <i>Hill Launch Assist</i>	–	•	•	•
Hệ thống hỗ trợ xuống dốc HDC / <i>Hill Descent Control</i>	–	–	–	•
Hệ thống ga tự động / <i>Cruise control</i>	–	•	•	•
Chìa khóa điều khiển từ xa / <i>Keyless entry</i>	•	•	•	•
Mã hóa động cơ / <i>Immobiliser</i>	•	•	•	•
Hệ thống chống trộm / <i>Burglar Alarm</i>	•	•	•	•
Cảm biến lùi / <i>Rear parking sensors</i>	–	•	–	–
Camera lùi / <i>Reversing camera</i>	–	–	•	•
Túi khí người lái và hành khách phía trước / <i>Driver & front pasenger airbags</i>	•	•	•	•
Túi khí bên và túi khí rèm / <i>Side & curtain airbags</i>	–	–	•	•
Định vị GPS và dẫn đường / <i>Navigation</i>	–	–	•	•

Hình ảnh chỉ mang tính chất tham khảo. Màu sắc của xe có thể khác so với thực tế. Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp nhân viên tư vấn để biết thêm thông tin.



TRẮNG A2W
Cool White



BẠC 38P
Aluminum



NÀU 42S
Titanium Flash



XÁM XANH 42B
Blue Reflex



XANH 42M
Deep Crystal Blue



www.mazdamotors.vn



www.facebook.com/mazdamotors.vn



HOTLINE CSKH
1900 5455 91



3 NĂM
Bảo hành
100.000 km